BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1038 /BNV-TCBC	*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2014*
V/v báo cáo về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1219
ĐẾN Ngày: 11/4/14
Chuyển: Duy tin

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 69/2013/QH13 ngày 29/11/2013 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo về một số vấn đề như sau:

1. Báo cáo rà soát, đánh giá về tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

2. Báo cáo rà soát, đánh giá về quản lý, sử dụng biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Báo cáo rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

(Nội dung báo cáo các vấn đề nêu trên thực hiện theo Đề cương gửi kèm theo công văn này).

Để bảo đảm tổng hợp đầy đủ số liệu về tổ chức, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, đề nghị Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cũng thực hiện báo cáo các nội dung tại công văn này.

Báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan nêu trên xin gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 30/4/2014 (kèm theo file mềm gửi về địa chỉ: buihuyhung@moha.gov.vn), để Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (để t/hiện);
- Đại học Quốc gia Hà Nội (để t/hiện);
- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (để t/hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Lưu: VT, TCBC (03b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Áp dụng đối với các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

(Kèm theo công văn số 1098/BNV-TCBC ngày 04/4/2014 của Bộ Nội vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN **tỉnh, thành phố .....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

BÁO CÁO

Về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

(Tài liệu phục vụ xây dựng Báo cáo Quốc hội theo Nghị quyết số 69/2013/QH13 ngày 29/11/2013 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII)

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Nghị quyết số 69/2013/QH13 ngày 29/11/2013 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII và đề nghị của Bộ Nội vụ tại công văn số ...../BNV-TCBC ngày ...../..../2014, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ..... báo cáo về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý như sau:

1. Báo cáo về hệ thống tổ chức bộ máy

a) Tổ chức hành chính nhà nước:

- Đề nghị rà soát, tổng hợp, báo cáo tất cả các tổ chức hành chính hiện có thuộc phạm vi quản lý theo Biểu số 1, trong đó:

+ Số lượng tổ chức hành chính (theo thẩm quyền thành lập).

+ Số lượng tổ chức hành chính phân (theo loại hình tổ chức).

- Đối với các tổ chức không do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập, đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý thành lập tổ chức, có sử dụng biên chế công chức do cơ quan có thẩm quyền giao?

b) Đơn vị sự nghiệp dịch vụ công:

- Đề nghị rà soát, tổng hợp, báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn (theo loại hình tổ chức và thẩm quyền thành lập).

- Đề nghị rà soát, tổng hợp, báo cáo tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo Biểu số 2, trong đó:

+ Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập (theo thẩm quyền thành lập).

+ Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập (theo cấp quản lý).

+ Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập (theo mức độ tự chủ).

+ Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập (theo lĩnh vực).

c) Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đối với công tác quản lý tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý.

2. Báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức và số lượng và chất lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Về biên chế công chức: tổng hợp, báo cáo theo Biểu số 1.

- Về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: tổng hợp, báo cáo theo Biểu số 2.

- Đề nghị báo cáo cụ thể việc bố trí biên chế công chức tại các tổ chức không do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập.

- Báo cáo kết quả xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, trong đó làm rõ số lượng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã hoàn thành việc xây dựng Đề án và số lượng Đề án đã được thẩm định, phê duyệt.

- Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đối với công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Báo cáo về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Đề nghị báo cáo về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo các tiêu chí sau: ngạch; trình độ đào tạo (chuyên môn, chính trị, tin học, ngoại ngữ, quản lý nhà nước); độ tuổi (dưới 30, từ 30 đến 50, từ 50 đến 60, trên tuổi nghỉ hưu); đảng viên; phụ nữ; dân tộc ít người (Biểu số 3).

- Đề nghị báo cáo về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo các tiêu chí sau: ngạch (hoặc chức danh nghề nghiệp); trình độ đào tạo (chuyên môn, chính trị, tin học, ngoại ngữ, quản lý nhà nước); độ tuổi (dưới 30, từ 30 đến 50, từ 50 đến 60, trên tuổi nghỉ hưu); đảng viên; phụ nữ; dân tộc ít người (Biểu số 4).

- Ngoài việc đánh giá chất lượng theo các tiêu chí nêu trên, đề nghị rà soát, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo các nội dung sau:

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao theo các mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; không hoàn thành nhiệm vụ.

+ Mức độ phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (theo các tiêu chí về: trình độ đào tạo, năng lực), qua đó đánh giá mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công việc được giao.

4. Đề xuất và kiến nghị

- Đề nghị làm rõ các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế trong quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tới.

- Kiến nghị các vấn đề khác có liên quan./.

Nơi nhận:
- Theo quy định.

CHỦ TỊCH

Tỉnh, thành phố .....

Biểu số 1

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2013

TT	Tổ chức	Số lượng đơn vị	Biên chế công chức và hợp đồng lao động được giao năm 2013				Có mặt đến 31/12/2013				Biên chế công chức và hợp đồng lao động chưa thực hiện năm 2013			
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
				Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Công chức theo chức vụ lãnh đạo	Công chức theo chức danh chuyên môn	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số													
I	***Phân theo thẩm quyền thành lập***													
1	Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập													
2	Tổ chức do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh thành lập													
3	Tổ chức do cấp khác thành lập													
II	***Phân theo loại hình tổ chức***													
A	Cấp tỉnh													
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND													
2	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh													
3	Ban Quản lý KCN, KCX, KKT													
4	Các tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức													
	- Tổ chức 1													

TT	Tổ chức	Số lượng đơn vị	Biên chế công chức và hợp đồng lao động được giao năm 2013				Có mặt đến 31/12/2013				Biên chế công chức và hợp đồng lao động chưa thực hiện năm 2013			
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
				Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Công chức theo chức vụ lãnh đạo	Công chức theo chức danh chuyên môn	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP
	- ...													
	- Tổ chức n													
B	Cấp huyện													
5	Cơ quan chuyên môn cấp huyện													
6	Các tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức													
	- Tổ chức 1													
	- ...													
	- Tổ chức n													

Người lập biểu
(Ký tên)

Giám đốc Sở Nội vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ....
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố ....

Biểu số 2

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2013

		Số lượng đơn vị	Biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao năm 2013				Có mặt đến 31/12/2013				Biên chế công chức, số lượng người làm việc chưa thực hiện năm 2013			
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
				Biên chế công chức	Số lượng viên chức	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Công chức	Viên chức	HĐ LĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Biên chế công chức	Số lượng viên chức	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số													
I	***Phân theo thẩm quyền thành lập***													
1	Tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập													
2	Tổ chức do UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập													
3	Tổ chức do UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập													
4	Tổ chức do cấp khác thành lập (nếu có)													
II	***Phân theo cấp quản lý***													
1	Đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh													
2	Đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh													
3	Đơn vị thuộc BQL các KCN, KCX, KKT													
4	Đơn vị thuộc UBND cấp huyện													
5	Đơn vị thuộc cấp quản lý khác													
III	***Phân theo mức độ tự chủ***													
1	Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ													

		Số lượng đơn vị	Biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao năm 2013				Có mặt đến 31/12/2013				Biên chế công chức, số lượng người làm việc chưa thực hiện năm 2013			
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
				Biên chế công chức	Số lượng viên chức	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Công chức	Viên chức	HĐ LĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Biên chế công chức	Số lượng viên chức	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP
2	Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ													
a	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên													
	Trong đó: Biên chế do ngân sách nhà nước chi trả													
b	Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động													
IV	***Phân theo lĩnh vực***													
1	Đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo													
	- Đại học													
	- Cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề													
	- Trung học chuyên nghiệp, trung học nghề													
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên													
	- Cơ sở giáo dục có tên gọi khác													
	- Trung học phổ thông													
	- Trung học cơ sở													
	- Tiểu học													
	- Mầm non													
2	Đơn vị thuộc lĩnh vực y tế													
	- Tuyến tỉnh													
	- Tuyến huyện													
	- Y tế xã, phường, thị trấn													

		Số lượng đơn vị	Biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao năm 2013				Có mặt đến 31/12/2013				Biên chế công chức, số lượng người làm việc chưa thực hiện năm 2013			
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
				Biên chế công chức	Số lượng viên chức	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Công chức	Viên chức	HĐ LĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP		Biên chế công chức	Số lượng viên chức	HĐLĐ theo NĐ 68/2000/ NĐ-CP
3	Đơn vị thuộc lĩnh vực thuộc khoa học và công nghệ													
4	Đơn vị thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao													
5	Đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp khác													

Người lập biểu
(Ký tên)

Giám đốc Sở Nội vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ....
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố .....

Biểu số 3

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2013

(Tính đến ngày 31/12/ 2013)

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng biên chế được giao năm 2013	Tổng số	Chia theo ngạch					Chia theo trình độ đào tạo																Chia theo độ tuổi						Đảng viên	Phụ nữ	Dân tộc thiểu số
									Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ		Quản lý NN					Từ 50 đến 60							
				CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Còn lại	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 50	Tổng số	Nữ từ 50 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*
	Tổng cộng																																	
-	*Cán bộ*																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
1	**Cộng: Cấp tỉnh**																																	
-	*Cán bộ*																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
a	**Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND**																																	
-	*Cán bộ*																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
b	**Văn phòng UBND**																																	
-	*Cán bộ*																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
c	**Sở .....**																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
d	**Sở n...**																																	

Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng biên chế được giao năm 2013	Tổng số	Chia theo ngạch					Chia theo trình độ đào tạo																Chia theo độ tuổi						Đảng viên	Phụ nữ	Dân tộc thiểu số
									Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ		Quản lý NN					Từ 50 đến 60							
				CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Còn lại	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Cao đẳng trở lên	Chứng chỉ	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 50	Tổng số	Nữ từ 50 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*
	... ...																																	
đ	**Ban Quản lý KCN, KCX, KKT**																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
e	**Tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức**																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
2	**Cộng: Cấp huyện**																																	
-	*Cán bộ*																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
a	**Huyện a**																																	
-	*Cán bộ*																																	
-	*Công chức*																																	
-	*Lao động hợp đồng*																																	
b	**Huyện b**																																	
-	... ...																																	
-	... ...																																	
-	... ...																																	

Ghi chú: *- Công chức tổng hợp nêu trên không bao gồm công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;*

- Lao động hợp đồng là những người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

- Cột B ghi rõ, đầy đủ tên của từng Sở, ngành và từng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Người lập biểu
(Ký tên)

Giám đốc Sở Nội vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ....
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, thành phố .....

Biểu số 4

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2013

(Tính đến ngày 31/12/ 2013)

Số TT	Ngành, lĩnh vực	Tổng biên chế (số lượng người làm việc) được giao năm 2013	Tổng số	Chia theo ngạch (Chức danh nghề nghiệp)					Chia theo trình độ đào tạo														Chia theo độ tuổi						Đảng viên	Phụ nữ	Dân tộc ít người
									Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ				Từ 50 đến 60							
				CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Còn lại	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung Cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Cao Đẳng trở lên	Chứng chỉ	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 50	Tổng số	Nữ từ 50 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu			
A	B	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*
	Tổng cộng																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
I	**Cộng: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
1	**Cộng: Đại học**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
2	**Cộng: Cao Đẳng**																														
	-.....																														
3	**Cộng: Trung học**																														
	-.....																														
4	**Cộng: Trung tâm và tên gọi khác**																														
	-.....																														
5	**Cộng: Giáo dục phổ thông, gồm:**																														
	-.....																														
	- Tiểu học																														
	- Trung học cơ sở																														

Số TT	Ngành, lĩnh vực	Tổng biên chế (số lượng người làm việc) được giao năm 2013	Tổng số	Chia theo ngạch (Chức danh nghề nghiệp)					Chia theo trình độ đào tạo														Chia theo độ tuổi						Dảng viên	Phụ nữ	Dân tộc ít người
									Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ				Từ 50 đến 60							
				CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Còn lại	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung Cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Cao Đẳng trở lên	Chứng chỉ	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 50	Tổng số	Nữ từ 50 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu			
A	B	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*
	- Trung học phổ thông																														
6	**Cộng: Giáo dục mầm non, gồm:**																														
	-……																														
	- Nhà trẻ																														
	- Mẫu giáo																														
II	**Cộng: Sự nghiệp Y tế**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
a	**Cộng: Tuyến tỉnh**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
b	**Cộng: Tuyến huyện**																														
	-……																														
c	**Cộng: Tuyến xã**																														
	-……																														
III	**Cộng: Sự nghiệp KHCN**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
IV	**Cộng: Sự nghiệp văn hóa, thông tin, du lịch, thể thao**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
a	**Cộng: Cấp tỉnh**																														
	- Công chức																														

Số TT	Ngành, lĩnh vực	Tổng biên chế (số lượng người làm việc) được giao năm 2013	Tổng số	Chia theo ngạch (Chức danh nghề nghiệp)					Chia theo trình độ đào tạo														Chia theo độ tuổi						Đảng viên	Phụ nữ	Dân tộc ít người
									Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ				Từ 50 đến 60							
				CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Còn lại	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cử nhân	Cao cấp	Trung Cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Cao Đẳng trở lên	Chứng chỉ	Dưới 30	Từ 30 đến dưới 50	Tổng số	Nữ từ 50 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu			
A	B	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
b	**Cộng: Cấp huyện**																														
	-...																														
V	**Cộng: Sự nghiệp khác**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
a	**Công: Cấp tỉnh**																														
	- Công chức																														
	- Viên chức																														
	- Lao động hợp đồng																														
b	**Cộng: Cấp huyện**																														
	-...																														

Ghi chú: *1. Công chức ở biểu này là những người được xác định là công chức trong đơn vị sự nghiệp công lập (theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định 06/2010/NĐ-CP);*

2. Lao động hợp đồng ở biểu này gồm: Những người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ và hợp đồng không xác định thời hạn khác

Người lập biểu
(Ký tên)

Giám đốc Sở Nội vụ
(Ký tên, đóng dấu)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ....
(Ký tên, đóng dấu)